

Bản án số: 741/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T; Địa chỉ trụ sở: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999; Địa chỉ nơi làm việc: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 15/2024/GUQ-CNTT ngày 06 tháng 3 năm 2024)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt tại phiên tòa; ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/03/2023, ông Nguyễn Quốc P và Ngân hàng Thương mại cổ phần T (viết tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã cấp cho ông P thẻ tín dụng có số thẻ 436438 – 8373 với hạn mức cấp thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đồng, mục đích cấp thẻ để tiêu dùng. Căn cứ vào Điều 1.24 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Quyết định số 3248/2022/QĐ-TTT ngày 23/12/2022 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam kèm biểu phí, Ngân hàng áp dụng mức lãi suất đối với khoản vay của ông Phong là 29.8%/1 năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 05/5/2023 đến ngày 05/7/2023, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 17.636.120 đồng. Ông P còn nợ số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/9/2023 là 56.639.946 đồng.

Ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ các khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 05/10/2023.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 21/8/2024 là: 81.311.736 (tám mươi một triệu ba trăm mười một ngàn bảy trăm ba mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc: 56.639.946 đồng, lãi quá hạn: 24.671.790 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông P tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, ông T không đồng ý chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết với các lý do sau:

Ngân hàng cung cấp cho Hội đồng xét xử Thẻ bảo hiểm y tế của ông Phong mã số 5613005099 ngày 09/3/2022 có nơi cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế là quận V, Thành phố Hồ Chí Minh để chứng minh ông Phong có cư trú tại quận V, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: ông P có khai báo nơi ở hiện tại tại địa chỉ số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 31/3/2023 đúng với địa chỉ ông P ghi trong Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023 điều này thể hiện ông P có thực tế cư trú tại địa chỉ số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm ký hợp đồng.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Cam Hòa, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa thể hiện: tại thời điểm xác minh, ông P không có mặt tại thôn Cừ Lợi 2, xã Cam Hòa huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, ông P có địa chỉ cư trú tại số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Phong có nơi cư trú cuối cùng tại 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 189, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1, 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 9 Mục IV của Công văn số 02/TANDTC ngày 02/8/2021, Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn – ông Nguyễn Quốc P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023, ông P ghi địa chỉ cư trú tại số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến ngày 31/3/2023, ông P mới khai báo nơi ở hiện tại tại địa chỉ này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tại thời điểm ký hợp đồng, ông Phong có đăng ký tạm trú, cư trú tại địa chỉ số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy tại thời điểm ký hợp đồng, ông P có hộ khẩu thường trú tại thôn Cừ Lợi 2, xã Cam Hòa huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo thẩm quyền.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên không phát biểu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết:

- Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: ông P có khai báo cư trú tại địa chỉ số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 31/3/2023 và hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ này.

- Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã Cam Hòa, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa thể hiện: Ông P có đăng ký thường trú tại thôn Cừ Lợi 2, xã Cam Hòa huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa nhưng ông P không có cư trú tại địa phương. Ông Phong có địa chỉ cư trú tại số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định: Địa chỉ “nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định ông P có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xét, địa chỉ cư trú của ông P được ghi trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023 và địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2024 là số 60 Đường C, phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với địa chỉ cư trú của ông P được Công an xác minh. Điều này thể hiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử không chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo thẩm quyền theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Ông P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông P nhưng ông P vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thể hiện Ngân hàng có cho ông P vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29.8%/1 năm là phù hợp với lãi suất được Ngân hàng công bố theo Biểu phí trong từ thời kỳ.

Căn cứ Quyết định số 3248/2022/QĐ-TTT ngày 23/12/2022 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam kèm biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam và bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng đối với thẻ tín dụng cấp cho ông Nguyễn Quốc P số 436438 – 8373 ngày 21/8/2024, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu ông P trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 21/8/2024 là 81.311.736 (tám mươi một triệu ba trăm mười một ngàn bảy trăm ba mươi sáu) đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 22/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu ông P trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Nguyễn Quốc P trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến tính đến ngày 21/8/2024 là: 81.311.736 (tám mươi một triệu ba trăm mười một ngàn bảy trăm ba mươi sáu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (trong đó: nợ gốc là 56.639.946 đồng, lãi quá hạn là 24.671.790 đồng).

Kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2024, ông P tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/3/2023 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 1.727.032 (một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn không trăm ba mươi hai) đồng biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0012861 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông P phải nộp số tiền án phí là 4.065.587 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm tám mươi bảy) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

